TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 532/2026/DS-PT
Ngày: 29/5/2026
V/v yêu cầu chia tài sản chung và tuyên bố giao dịch vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh P- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 732/TLPT – DS ngày 10/12/2025 về việc "*Yêu cầu chia tài sản chung và tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu*" .

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2025/ DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 89/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa và thông báo mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958. Địa chỉ: 1 B, Phường T, thành phố Hồ Chí Minh: vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Vĩnh H, sinh năm 1980; Địa chỉ: 6 F Phó C, phường P, tỉnh Vĩnh L (văn bản ủy quyền ngày 03/01/2024): có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1997: có mặt;

2.2. Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1975: vắng mặt;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã N , tỉnh Vĩnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn P. Địa chỉ: ấp M, xã C, tỉnh Vĩnh L

(văn bản ủy quyền ngày 09/12/2025): có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Phương L, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ: vắng mặt;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Vĩnh H, sinh năm 1980; Địa chỉ: 6 F Phó C, phường P, tỉnh Vĩnh L: có mặt;

3.2. Bà Nguyễn Thị Phượng L, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số C B, Phường T, thành phố Hồ Chí Minh: vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Duy K, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh L (văn bản ủy quyền ngày 13/10/2025).

1.3.3. Bà Lê Thị Hồng P, sinh năm 2002;

1.3.4. Chị Nguyễn Viết Phương L, sinh năm 1998;

1.3.5. Chị Nguyễn Viết Hồng H, sinh năm 2008;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã N, tỉnh Vĩnh L.

1.3.6. Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh V.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1994; Địa chỉ: 5, khóm A, phường P, tỉnh Vĩnh L.

1.3.7. Ngân hàng N – Chi nhánh M, Vĩnh L – Phòng G.

Địa chỉ: ấp H, xã N, tỉnh Vĩnh L.

1.3.8. Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh V.

(Nay là N1 hàngTMCP Lộc phát Việt Nam- Chi nhánh V

Địa chỉ: số A, đường T, phường L, tỉnh Vĩnh L.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồng Quốc Đ, sinh năm 1999; Địa chỉ: số A đường T, phường L, tỉnh Vĩnh L.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phương L, Nguyễn Thị Phượng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tô Vĩnh H đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn trình bày:

Cha bà P là ông Nguyễn Viết H (sinh năm: 1926 - chết năm: 1984) và mẹ là Lê Thị Diễm L (Phạm Mỹ L3) (sinh năm: 1943 – chết năm: 2017) lúc sinh thời có 4 người con: Nguyễn Thị P, Nguyễn Phương L, Nguyễn Thị Phượng L và Nguyễn Viết T.

Về tài sản: ông H, bà L không lập di chúc, khi chết có để lại 10.900m² đất, thuộc thửa số 203, Loại đất thổ quả. Đất toạ lạc tại: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh L. Sau khi cha chết, tài sản này giao cho ông Nguyễn Viết T quản lý, kê khai đăng ký và được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 732089 ngày 18/7/1991.

Ngày 31/3/2018, ông Nguyễn Viết T chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm: vợ Trần Thị Thanh H; con gồm: Nguyễn Viết T; Nguyễn Viết Phương L; Nguyễn Viết Hồng H.

Phần di sản của cha mẹ bà P để lại hiện do vợ và con ông T đang quản lý sử dụng. Do đó bà P có làm đơn gởi UBND xã M yêu cầu tiến hành hòa giải giữa chị em bà P và vợ con ông T để thương lượng với nhau về hướng giải quyết thừa kế, tài sản chung của cha mẹ để lại. Ngày 11/05/2018 UBND xã M đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tòa án nhân dân huyện Mang Thít đã thụ lý giải quyết. Khi Tòa án đang giải quyết, bà P có thỏa thuận cụ thể: bà P bỏ tiền ra chuộc phần đất này tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi đang thế chấp tại Ngân hàng N – phòng G để xác lập tài sản thuộc sở chung gồm: Nguyễn Thị P, Nguyễn Phương L, Nguyễn Thị Phượng L, Nguyễn Viết T (vợ: Trần Thi Thanh H4, con: Nguyễn Viết T, Nguyễn Viết Phương L, Nguyễn Viết Hồng Q). Thỏa thuận này được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực ngày 12/04/2021 tại Văn phòng C. Ngày 28/7/2023 bà P về đề nghị làm nhà thờ cúng cha mẹ thì Nguyễn Viết T không đồng ý, không cho ai về ở trên thửa đất này.

Ngày 18/12/2024, khi đo đạc, bà P phát hiện phần đất thửa số 216 (thửa mới 50); tờ bản đồ số 01; Loại đất thổ quả; toạ lạc tại: Áp A, xã M, M Thít, Vĩnh L đã tách thành 3 thửa mới gồm:

- Thửa số 835, tờ bản đồ số 9, diện tích: 1564,0m², loại đất trong cây lâu năm do Lê Thị Hồng P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa số 836, tờ bản đồ số 9, diện tích: 2336,5m², loại đất trồng cây lâu năm do Nguyễn Viết T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa số 834, tờ bản đồ số 9, diện tích: 6261,8m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm do Nguyễn Viết T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà P yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung là thửa đất số 50, diện tích là 10.162,3 m^2 loại đất thổ quả tọa lạc ấp A, xã M, huyện M làm 02 phần: 10.162,3 m^2/2 bằng 5.081,15 m^2, trong đó có 59,3 m^2 loại đất ONT. Bà Nguyễn Phương L có văn bản giao phần thừa kế của bà L cho bà P được hưởng nên bà P yêu cầu

(10.162,3 m^2 /2) bà P hưởng hai phần thuộc 50 tọa lạc ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh L.

Hiện nay thửa 50 nêu trên được tách ra thành thửa 834, 835, 836, do đó bà P yêu cầu cụ thể như sau: yêu cầu được chia bằng hiện vật trọn thửa 835, diện tích 1.564,0 m^2 loại đất CNL, trọn thửa 836 diện tích 2.336,5 m^2 loại đất CLN; tách thửa 834 diện tích 1.180,65m^2 loại ONT+ CLN trong đó có 59,3 m^2 loại đất ONT, cụ thể chiều ngang 11,1 m; chiều dài 106,35 m.

Đối với tài sản trên đất không yêu cầu định giá, tài sản gắn liền trên đất của ai người đó được chia thì người đó được hưởng, không bồi hoàn giá trị.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành khảo sát, đo đạc nhiều lần nhưng vắng nhiều chủ tứ cận (có tứ cận đang cư trú ở nước ngoài) ranh mốc chưa rõ ràng nên cơ quan chuyên môn không tiến hành khảo sát đo đạc các thửa đất tranh chấp. Nay bà P yêu cầu Tòa án căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 834, 835, 836 để giải quyết vụ án.

Đối với số tiền 607.300.000 đồng mà trước đây bà P trả cho Ngân hàng N3 chi nhánh V - Phòng giao dịch M, do thửa đất 50 yêu cầu chia tài sản chung, ai được tài sản phải hoàn lại cho bà P. Cụ thể bà P yêu cầu: bà L trả 151.705.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 12/4/2021 đến nay (19/6/2025) số tiền 60.700.000 đồng; bà H4, ông T, L, Huyên trả 151.705.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 12/4/2021 đến nay (19/6/2025) số tiền 60.700.000 đồng.

Đồng thời bà P yêu cầu hủy các hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và bị đơn Trần Thị Thanh H, Nguyễn Viết T người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng P, cụ thể: Hợp đồng thế chấp giữa: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh V và ông Nguyễn Viết T đối với thửa đất số 834; Ngân hàng N – Chi nhánh M – Phòng G và bà Lê Thị Hồng P đối với thửa đất 835; Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh V và Nguyễn Viết T đối với thửa đất 836 vì tại thời điểm thế chấp tài tản đang tranh chấp.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, bà P không đồng ý.

** Tại đơn phản tố ngày 29/7/2024, bị đơn bà Trần Thị Thanh H, anh Nguyễn Viết T trình bày*: Nguyên vào năm 2018 bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Phương L và bà Nguyễn Thị Phượng L khởi kiện "Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất"

Bà Trần Thị Thanh H là chủ sử dụng đất hợp pháp thửa đất số 216, tờ bản đồ số 01, diện tích 10.545,1m², mục đích sử dụng: Đất ở 118,6m² và đất trồng cây lâu năm: 10.426,5m², 2, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh L. Nguồn gốc thửa đất số 216 bà H nhận tặng cho từ chồng là ông Nguyễn Viết T vào ngày 20/10/2009.

Trước khi tòa án thụ lý vụ án thì thửa đất số 216 bà H đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N – Phòng G. Các nguyên đơn Nguyễn Thị P, Nguyễn Phương L và bà Nguyễn Thị Phượng L sợ bà H đi thêm bước nữa, các con ông T sẽ không được hưởng phần đất của ông Nguyễn Viết T để lại nên bà P sẽ đưa cho bà H số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) tất toán nợ Ngân hàng, xóa thế chấp để lập

hợp đồng tặng cho thửa đất số 216 lại con trai là Nguyễn Viết T đứng tên để sử dụng thửa đất này làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ, nơi hợp mặt anh, chị, em, con, cháu trong những ngày giỗ, lễ, tết và chọ những người thân trong gia tộc có cuộc sống khó khăn, không có nơi ăn chốn ở về tạm trú ngụ. Nghe các nguyên đơn thỏa thuận vậy nên bà H đồng ý với điều kiện của các nguyên đơn.

Ngày 12/4/2021 hai bên đến Văn phòng C về việc xác lập di sản hương hỏa và cử người đại diện quản lý di sản hương hỏa nên các nguyên đơn rút đơn khởi kiện và được Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo Quyết định số 12/2021/QĐST-DS ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Nay bà Nguyễn Thị P căn cứ vào tờ thỏa thuận về việc xác lập di sản hương hỏa và cử người đại diện quản lý di sản hương hỏa lập ngày 12/4/2021 tại Văn phòng C để khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và đòi lại số tiền giao cho bà H để trả khoản nợ vay ngân hàng thì bà H, anh T không đồng ý và yêu cầu phản tố như sau:

Đối với tờ thỏa thuận về việc xác lập di sản hương hỏa và cử người đại diện quản lý di sản hương hỏa lập ngày 12/4/2021 tại Văn phòng công chứng Trần Thị M là trái với quy định của pháp luật. Vì tại thời điểm ngày 12/4/2021 thửa đất số 216 hiện đang tranh chấp. Hơn nữa, thửa đất số 216 (nay là thửa 50) vào năm 2009 bà Trần Thị Thanh H được chồng là ông Nguyễn Viết T tặng cho bà đứng tên theo quy định của pháp luật nên thửa đất số 216 (thửa mới 50) là tài sản của cá nhân bà Trần Thị Thanh H. Sau khi qua đời ông Nguyễn Viết H và bà Lê Thị Diễm L không để lại di sản nên văn bản thỏa thuận ngày 12/4/2021 do không am hiểu pháp luật nên bà H, anh T mới ký tờ thỏa thuận này.

Hiện nay thửa 50 nêu trên được tách ra thành thửa 834,835,836 như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng, cụ thể thửa 834 do Nguyễn Viết T đứng tên, hiện nay đang thế chấp vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh V vào ngày 12/11/2024 số tiền là 2.470.000.000 đồng đến nay chưa trả, thửa 835 do Lê Thị Hồng P đứng tên hiện nay đang thế chấp Ngân hàng N – Chi nhánh M – Phòng G ngày 08/5/2024 số tiền 800.000.000 đến nay chưa trả, thửa 836 do Nguyễn Viết T đứng tên hiện vay đang thế chấp Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Vĩnh ngày 19/6/2024 số tiền 1.200.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Đối với việc bà P yêu cầu Tòa án căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 834, 835, 836 để giải quyết vụ án thị bị đơn đồng ý.

Nay bị đơn yêu cầu hủy tờ " thỏa thuận về việc xác lập di sản hương quả và cử người đại diện quản lý di sản hương quả" ngày 12/4/2021 giữa bà Trần Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị P.

Đối với số tiền 607.300.000 đồng mà trước đây bà P trả cho Ngân hàng N3 chi nhánh V- Phòng G, thì bị đơn đồng ý trả lại cho bà P, không đồng ý trả lãi.

Theo đơn yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phượng L và đại diện theo diện theo ủy quyền của bà L là ông Nguyễn Anh T trình bày: bà Linh thống ý kiến trình bày về

nguồn gốc đất theo nguyên đơn trình bày. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì bà L không đồng ý. Quá trình sử dụng đất bị đơn vi phạm thỏa thuận không cho bà P về sửa chữa nhà thờ để thờ cúng, không được phép đem tài sản giao dịch nhưng các bị đơn đã thế chấp các thửa đất trên vay vốn Ngân hàng. Nay bà L yêu cầu chia tài sản chung cụ thể yêu cầu chia diện tích 2.540,5 m^2, thuộc tách thửa 834 diện tích 6.261,8 m^2 loại ONT+CLN tọa lạc ấp ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh L.

Đối với tài sản trên đất không yêu cầu định giá, tài sản gắn liền trên đất của ai được chia người đó được hưởng, không bồi hoàn giá trị.

Đối với số tiền 607.300.000 đồng mà trước đây bà P trả cho Ngân hàng N3 chi nhánh V - Phòng giao dịch Mỹ, bà L đồng ý trả lại cho bà P tương ứng với phần tài sản mà bà được chia.

Đối với các thửa đất tranh chấp nêu trên mà bị đơn đã thế chấp vay vốn Ngân hàng thì bà L yêu cầu hủy các hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Lê Thị Hồng P do tại thời điểm thế chấp tài sản đang tranh chấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Hồng P trình bày: chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà P, yêu cầu độc lập của bà L, bà L thống nhất ý kiến trình bày và yêu cầu phản tố bị đơn. Đối với yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và chị của nguyên đơn thì chị không đồng ý.

** Theo đơn yêu cầu độc lập của người người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Phương L và trong quá trình giải quyết vụ án ông Tô Vĩnh H là đại diện theo ủy quyền bà L trình bày:* Bà L yêu cầu được chia bằng hiện vật trọn thửa 835, diện tích 1.564,0 m^2 loại đất CNL, trọn thửa 836 diện tích 2.336,5 m^2 loại đất CLN; tách thửa 834 diện tích 1.180,65m^2 loại ONT+ CLN trong đó có 59,3 m^2 loại đất ONT, đất tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh L (nay là xã N, tỉnh Vĩnh L) (Các thửa đất trên được tách ra từ thửa số 50), sau khi bà L được chia thì bà tự nguyện giao tòan bộ cho bà P được quản lý, sử dụng.

Đối với tài sản trên đất không yêu cầu định giá, tài sản gắn liền trên đất của ai được chia người đó được hưởng, không bồi hoàn giá trị.

Thống nhất yêu cầu hủy các hợp đồng thế chấp đối với thửa đất 834,835,836 của nguyên đơn, đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì bà L không đồng ý.

** Tại biên bản hòa giải ngày 19/6/2025, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh V (gọi tắt là HD) do bà Nguyễn Thị Yến N đại diện theo ủy quyền trình bày*: vào ngày 12/11/2024, Ngân hàng có cho ông T vay số tiền là 2.470.000.000 đồng, để đảm bảo khoản vay ông T đã thế chấp thửa đất 834 cho Ngân hàng, đến nay ông T chưa trả gốc cho Ngân hàng

Đối với yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và ông T của bà L thì Ngân hàng không đồng ý. Trường hợp thửa đất 834 bị chia tài sản chung thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Tại đơn xin vắng mặt ngày 26 tháng 9 năm 2025, Ngân hàng N – Chi nhánh M, Vĩnh L – Phòng G có ý kiến*: Ngân hàng không có ý kiến và yêu cầu độc lập trong vụ án tranh chấp giữa bà P và bà H, anh T. Trường hợp chia tài sản chung đối với thửa số 835, tờ bản đồ số 9, diện tích: 1564,0m², loại đất trong cây lâu năm do chị Lê Thị Hồng P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2025/ DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh L đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phượng L, bà Nguyễn Phương L về việc yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 835, tờ bản đồ số 9, diện tích: 1564,0m², loại đất trong cây lâu năm, thửa số 836, tờ bản đồ số 9, diện tích: 2336,5m², loại đất trồng cây lâu năm và thửa số 834, tờ bản đồ số 9, diện tích: 6261,8m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, đất cùng tọa lạc ấp A, xã M, huyện M (nay là xã N), tỉnh Vĩnh L và yêu cầu vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh V số 23994/23MN/HĐTC ngày 10/11/2023 và ông Nguyễn Viết T đối với thửa đất số 834 nêu trên; Ngân hàng N – Chi nhánh M, Vĩnh L – Phòng G (nay là Nhơn P) và bà Lê Thị Hồng P số 7302LCL02302379 ngày 07/9/2023 đối với thửa đất 835 nêu trên; Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh V (nay là Ngân hàng TMCP L- Chi nhánh V) và Nguyễn Viết T số HĐTC850201400154 ngày 11/6/2024 đối với thửa đất 836 nêu trên.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Viết T.

Tuyên bố vô hiệu "*văn bản thỏa thuận về việc xác lập di sản hương hoả và cử người đại diện quản lý di sản hương hoả ngày 12/4/2021*" giữa bà Trần Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị P được lập tại Phòng C.

Buộc bà Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Viết T, chị Lê Thị Hồng P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền gốc 607.300.000 đồng (Sáu trăm lẻ bảy triệu ba trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 230.354.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn Nguyễn Thị P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phương L, Nguyễn Thị Phượng L kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan có kháng cáo do người đại diện hợp pháp trình bày: Thay đổi nội dung kháng cáo về việc chia tài sản chung, đề nghị công nhận một phần Thỏa thuận ngày 12/4/2021 với nội dung "Bà Trần Thị Thanh H, anh Nguyễn Viết T, chị Lê Thị Hồng P có nghĩa vụ sử dụng căn nhà thờ cúng làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ, nơi họp mặt anh chị em, con cháu trong những ngày giỗ, lễ, tết,... cho phép những người thân trong gia tộc có cuộc sống khó khăn, không nơi ăn chốn ở được tạm trú ngụ". Các nội dung khác thì đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị đơn Nguyễn Viết T, người đại diện hợp pháp của bị đơn Trần Thị Thanh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng P trình bày: Thống nhất thực hiện nội dung thỏa thuận như phía kháng cáo trình bày. Cam kết thực hiện nghĩa vụ thờ cúng và không ngăn cản phía nguyên đơn, người thân thích đến viếng mồ mả thân tộc, nhà thờ cúng và tạo điều kiện cho người không nơi cư trú được tạm trú như thỏa thuận.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất:

1. Công nhận một phần Thỏa thuận ngày 12/4/2021 với nội dung: "Bà Trần Thị Thanh H, anh Nguyễn Viết T, chị Lê Thị Hồng P có nghĩa vụ sử dụng căn nhà thờ cúng làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ, nơi họp mặt anh chị em, con cháu trong những ngày giỗ, lễ, tết,...cho phép những người thân trong gia tộc có cuộc sống khó khăn, không nơi ăn chốn ở được tạm trú ngụ".

2. Buộc bà Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Viết T, chị Lê Thị Hồng P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền gốc 607.300.000 đồng (Sáu trăm lẻ bảy triệu ba trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 230.354.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu về án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về việc thay đổi yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa là không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên được chấp nhận việc thay đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu và thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng khác, án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án và các nội dung khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án dân sự sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1. Công nhận một phần thỏa thuận ngày 12/4/2021 với nội dung: “Bà Trần Thị Thanh H, anh Nguyễn Viết T, chị Lê Thị Hồng P có nghĩa vụ sử dụng căn nhà thờ cúng làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ, nơi họp mặt anh chị em, con cháu trong những ngày giỗ, lễ, tết,... cho phép những người thân trong gia tộc có cuộc sống khó khăn, không nơi ăn chốn ở được tạm trú ngụ".

2. Buộc bà Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Viết T, chị Lê Thị Hồng P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền gốc 607.300.000 đồng (Sáu trăm lẻ bảy triệu ba trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 230.354.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Phương L, bà Nguyễn Thị Phương L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng khác, án phí dân sự sơ thẩm, quyền, nghĩa vụ thi hành án và các nội dung khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh L;
- TAND khu vực 2 -Vĩnh L;
- VKSND khu vực 2- Vĩnh L;
- THADS tỉnh Vĩnh L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Triệu Hữu